*Thứ 6, Ngày 14 tháng 01 năm 2022*

**HỌP HỘI ĐỒNG SƯ PHẠM**

**SƠ KẾT HỌC KỲ I, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ HỌC KỲ II**

 **Năm học 2021-2022**

**I. Đồng chí Hiệu trưởng báo cáo tóm tắt kết quả học kỳ I**

1. **Công tác phát triển số lượng, Phổ cập GD:**

Học kỳ I - nhà trường có 02 điểm trường với tổng só 20 nhóm, lớp học ***(Tính đến tháng 12/2021):***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Độ tuổi** | **2021-2022** | **Hoa Lan** | **Hoa sen** | **Mai thế hệ** | **Quảng Yên** | **Vân Anh** | **Tổng cộng** | **Số trẻ ở QY ra lớp** | **Số trẻ trên địa bàn** | **Tỷ lệ %** |
| **Số lớp** | **Số trẻ** | **QY** | **Số lớp** | **Số trẻ** | **QY** | **Số lớp** | **Số trẻ** | **QY** | **Số lớp** | **Số trẻ** | **QY** | **Số lớp** | **Số trẻ** | **QY** | **Số lớp** | **Số trẻ** | **QY** |
| Nhóm trẻ | *4* | *89* | 58 | 1 | 25 | 20 | 1 | 26 | 6 | 1 | 13 | 5 | 1 | 25 | 13 | 1 | 25 | 2 |  | **104** | 433 | **24** |
| MG 3 tuổi | *5* | *123* | 80 | 1 | 25 | 20 | 1 | 28 | 16 | 1 | 12 | 1 | 2 | 49 | 23 | 2 | 73 | 12 |  | **175** | 197 | **88,8** |
| MG 4 tuổi | *6* | *179* | 138 | 2 | 46 | 40 | 2 | 46 | 20 | 1 | 12 | 2 | 2 | 60 | 23 | 2 | 57 | 10 |  | **213** | 213 | **100** |
| MG 5 tuổi | *5* | *161* | 127 | 2 | 44 | 30 | 1 | 31 | 15 |  |  |  | 2 | 45 | 17 | 2 | 74 | 15 |  | **184** | 184 | **100** |
| **Số trẻ** | **20** | **552** | **403** | **6** | **140** | **110** | **5** | **131** | **55** | **3** | **37** | **8** | **7** | **179** | **76** | **7** | **239** | **42** | **1.333** |  | **1.027** |  |

- Đạt chuẩn công tác phổ cập GD, XMC năm 2021.

**2. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ:**

a.  Kết quả công tác chăm sóc- nuôi dưỡng và chăm sóc bảo vệ sức khỏe.

*-* Chỉ đạo thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. 100% trẻ được ăn bán trú tại trường.

- Đã kết hợp với trạm y tế tổ chức cân đo, khám sức khoẻ lần 1 (tháng 9/2021) và theo dõi biểu đồ tăng trưởng cho trẻ (kết quả: Trẻ CNBT 531/534 = 99,4%; Trẻ CCBT =529/534= 99%; Trẻ SDDV: 02/534=0,4%; Trẻ thừa cân: 01/534 =0,2%; Trẻ thấp còi độ I: 5/534 = 1%).

- Đã kết hợp với trạm y tế tổ chức cân đo lần 2 (tháng 12/2021). Kết quả: Trẻ CNBT: 550/552 = 99,6% *(tăng 0,2*% *so với đầu năm học)*; Trẻ thừa cân: 02/552 = 0,4%*(bằng so với đầu năm học)*; Trẻ CCBT: 549/552 = 99,5% *(tăng* 0,5% *so với đầu năm học)*; Trẻ SDD thấp còi độ I: 3/552 = 0,5% *(giảm* 0,5% *so với đầu năm học)*.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phòng, chống các dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh Covid - 19.

- Trẻ ăn bán trú tại trường đạt 100%.

b. Kết quả giáo dục trẻ: 100% trẻ được học 2 buổi/ ngày. Tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp, học 2 buổi/ngày đạt 100%. 100% trẻ được đánh giá cuối học kỳ 1

**3. Công tác chuyên môn:**

*\*, Chuyên đề*:

- Tháng 10/2021: tham dự chuyên đề “Bé MN với ATGT”. tại MN Đông Mai.

-Tháng 12/2021: Tham dự chuyên đề cấp thị xã: "Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ trong các cơ sở GDMN" năm học 2021-2022 tại trường MN Cộng Hòa.

- Tổ chức Chuyên đề cấp trường: Nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động GD lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non (Tháng 11/2021)

- Tổ chức 09 Chuyên đề cấp tổ:

+ Tổ mẫu giáo 5 tuổi: Chuyên đề Chữ cái: Tháng 10/2021; Chuyên đề Toán: Tháng 12/2021.

+ Tổ mẫu giáo 4 tuổi: Chuyên đề Văn học: Tháng 10/2021;Chuyên đề Phát triển TC-KNXN: Tháng 12/2021.

+ Tổ nhóm trẻ + 3 tuổi: Chuyên đề Thể dục: Tháng 11/2021.

*\*, Thao giảng:* Đã tổ chức thao giảng đợt I: 38 đ/c *(Kết quả: Giờ Giỏi 28/38 = 73,7%; Giờ Khá 10/38 = 26,3%).*

*\*, Hội thi:* Tổ chức thành công và hiệu quả Hội thi cấp trường “Bé MN với ATGT”.

*\*. Tổ chức ngày hội, ngày Lễ, hội thi:* Phối hợp với PHHS, các đoàn thể trong trường và của địa phương đã tổ chức (Ngày khai giảng, Tết trung thu, kỉ niệm 20/10, mừng ngày NGVN 20/11, 22/12....vv).

**4. Cơ sở vật chất:** Có 20 nhóm, lớp học (trong đó: có 18 phòng học kiên cố; 02 phòng học tạm); số phòng học còn thiếu là 02 phòng. Các phòng học, sân chơi, phòng nghệ thuật... cho trẻ hoạt động. Có công trình nước sạch và có nhà vệ sinh trong các lớp học đầy đủ, hợp lý, được tu sửa thường xuyên, đảm bảo an toàn và vệ sinh cho trẻ. Được PGD đầu tư bàn ghế học sinh, phản, tủ tư trang cho trẻ...vv. Phát huy hiệu quả trang thiết bị được cấp; Mua sắm, bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo đúng nhu cầu thực tế; việc khai thác sử dụng và bảo quản đồ dùng đồ chơi, thiết bị đúng mục đích, không lãng phí. Trường nhiều cây cảnh, vườn hoa, cây bóng mát trong khuôn viên sân trường. Sơn, vẽ họa tiết, làm đồ chơi, trang trí bảng biểu ... tạo môi trường trường lớp xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện.

**5. Công tác kiểm tra, thi đua:** Duy trì và thực hiện có kết quả các cuộc vận động, phong trào thi đua do ngành phát động. 100% CB, GV, nhân viên tham gia đăng ký thi đua tập thể, các danh hiệu cá nhân.

\*, Công tác kiểm tra nội bộ: Kiểm tra toàn diện: 21/40 GV đạt 52,5% (Kết quả: Tốt= 14/40 đ/c đạt 35%; khá là 07/40 đ/c đạt 17,5%) và 04 nhân viên nấu ăn đạt Tốt.; Thăm lớp dự giờ đột xuất và thường xuyên có báo trước: 100% đạt yêu cầu trở lên; Kiểm tra hồ sơ sổ sách 40/40= 100% giáo viên (Tốt là 25/40 đ/c = 62,5%; khá là 13/40 đ/c = 32,5%; ĐYC 2/40 đ/c đạt 5%).

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo: không có

**6. Kết quả xếp loại học kỳ I:**

***\*. Xếp loại Chuyên môn CB, GV, NV:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **HỌ VÀ TÊN** | **XL C/MÔN**  | **Công tác phối hợp, công tác khác** | **Công tác phòng dịch** | **Xl chung** | **TT** | **HỌ VÀ TÊN** | **XL C/MÔN**  | **Công tác phối hợp, công tác khác** | **Công tác phòng dịch** | **Xl chung** |
| **Tốt** | **Khá** | **ĐYC** | **Tốt** | **Khá** | **ĐYC** |
|  *1* | Vũ Thanh Quyên | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *24* | Vũ Thị Nhung  | x |  |  | **Khâ** | **Tốt** | **Tốt** |
| *2* | Lê Thị Phương | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *25* | Nguyễn Thị Thanh | x |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** |
| *3* | Trần Thị Hiền | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *26* | Ph .T. Diệu Thúy | x |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** |
| *4* | Phạm Thị Khuê | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *27* | Phan Thị T. Ngà |  | x |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** |
| *5* | Bùi Thị Mơ | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *28* | Mai Thị Thơm |  | x |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** |
| *6* | Nguyễn Minh Bảo | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *29* | Trần Thị Thoa | x |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** |
| *7* | Đặng T.T.Hường | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *30* | Nguyễn Thị Thêm | x |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** |
| *8* | Cao Thị Thêu | *x* |  |  | **Khá** | **Tốt** | **Tốt** | *31* | Phạm Thị T.Vân | x |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** |
| *9* | Dương Thị Hiên | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *32* | Nguyễn T Thu Hà |  | x |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** |
| *10* | Phạm.T.N Thuyết  | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *33* | Bùi Thị Hoa | x |  |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** |
| *11* | Đinh Thị Hằng | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *34* | Vũ Thị Thu Hương |  | x |  | **Khá** | **Khá** | **Khá** |
| *12* | Nguyễn Thị Lan |  | *x* |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** | *35* | Trịnh T V. Oanh | x |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** |
| *13* | Phạm Thị Kiên | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *36* | Đặng Thị Loan |  | x |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** |
| *14* | Phạm Thị Hạnh |  | *x* |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** | *37* | Bùi Thị Thu Hòa |  | x |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** |
| *15* | Vũ Thị Hoài | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *38* | Trần Thị Tươi | x |  |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** |
| *16* | Phạm T Lệ Thủy | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *39* | Nguyễn Thị Hậu |  | x |  | **Khá** | **Khá** | **Khá** |
| *17* | Phạm T Thu Hà | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *40* | Nguyễn .T.Phượng |  | x |  | **Khá** | **Khá** | **Khá** |
| *18* | Phạm Thị Thực | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *41* | Lê Thị Thơm |  | x |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** |
| *19* | Lưu T. B. Thúy | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *42* | Chu Thị Ninh |  |  | x | **Khá** | **Khá** | **ĐYC** |
| *20* | Nguyễn Thị Hiên | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *43* | Trịnh Hông Loan |  |  | x | **Khá** | **Khá** | **ĐYC** |
| *21* | Trần Hồng Minh | *x* |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** | *44* | Nguyễn Thị Hòa | x |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** |
| *22* | Ng T T Khuyên |  | *x* |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** | *45* | Trần Thị Hải | x |  |  | **Tốt** | **Tốt** | **Tốt** |
| *23* | Trần Thị Phương |  | *x* |  | **Khá** | **Tốt** | **Khá** | *46* | Nguyễn Thị Huệ | x |  |  |  |  | **Tốt** |

***=>Tổng hợp:*** Xếp loại chuyên môn: Tốt 31/46 đ/c = 67,4%; Khá 13/46 đ/c = 28,3%; ĐYC: 02/46 = 4,3%.

***\*. Kết quả xếp loại lớp:*** Lớp Tốt: 18/20 lớp; Khá: 02/20 lớp (3TA5, Nhà trẻ A4).

**II. Kế hoạch nhiệm vụ học kỳ II:**

**1. công tác huy động:** Chỉ tiêu huy động trẻ trên địa bàn phường ra lớp là: **754 cháu,** cụ thể:

+ Nhóm trẻ: 04 nhóm = 173/433 cháu, đạt tỷ lệ 40%;

+ Mẫu giáo 3 tuổi: 5 lớp = 185/197 cháu; đạt tỷ lệ 93,9%;

+ Mẫu giáo 4 tuổi: 6 lớp = 213/213 cháu, đạt tỷ lệ 100%;

+ Mẫu giáo 5 tuổi: 5 lớp = 183/183 cháu, đạt tỷ lệ 100%.

*=> Tỷ lệ trẻ nhóm trẻ: 173/433 cháu; đạt 40%.*

*=> Tỷ lệ trẻ 3 - 5 tuổi: 581/593 cháu đạt tỷ lệ 98%.*

**2. Công tác CSSK và ND**

- Trẻ có CCBT: đạt 99% trở lên; Trẻ CNBT: đạt 99% trở lên.

- Trẻ SDDTC: đạt dưới 1,0 %; Trẻ SDDNC: đạt dưới 1,0 %; Trẻ thừa cân: đạt dưới 1%.

**3. Công tác GD**

- 100% các nhóm, lớp tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ngày và thực hiện chăm sóc - giáo dục theo Chương trình GDMN, thời gian thực hiện là 35 tuần.

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về mọi mặt. Cho trẻ làm quen với Đàn oocgan, múa, vẽ, làm quen với Tiếng Anh, giáo dục kỹ năng sống và ATGT...vv.

- 100% trẻ 5 tuổi được đánh giá Bộ chuẩn phát triển trẻ em do Bộ GD&ĐT ban hành và đủ điều kiện vào lớp 1 (trong đó: Có 98% trở lên trẻ đạt yêu cầu).

- Tỷ lệ chuyên cần toàn trường: 99% trở lên (trong đó: trẻ 5 tuổi đạt 100%).

- Tỷ lệ 2 buổi/ngày toàn trường: 99% trở lên (trong đó: trẻ 5 tuổi đạt 100%).

- 80% trẻ đạt cháu ngoan Bác Hồ.

- Chăm sóc - giáo dục trẻ khuyết tật, trẻ tự kỉ học hoà nhập (nếu có).

- Tổ chức Cđe trường “các hoạt động trải nghiệm cho trẻ trong trường mầm non (Tháng 02/2022).

- Chuyên đề cấp tổ:

+ Tổ mẫu giáo 5 tuổi: Chuyên đề Âm nhạc: Tháng 01/2022.Chuyên đề phát triển TC-KNXH: Tháng 03/2022.

+ Tổ mẫu giáo 4 tuổi: Chuyên đề Tạo hình: Tháng 03/2022.

+ Tổ nhóm trẻ + 3 tuổi: Chuyên đề Văn học: Tháng 01/2022.

- Thao giảng: đợt 2

- Tổ chức Hội thi "Bé khỏe, bé thông minh, nhanh trí": Tháng 4/2022;

- Tổ chức Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi: Thời gian tháng 5/2022.

-Tổ chức đầy đủ các ngày hội, ngày lễ lớn trong năm học.

**4. Xây dựng đội ngũ:**

- 100% cán bộ, giáo viên thực hiện tốt quy chế chuyên môn, được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên, không có ai vi phạm quy chế.

- 95% trở lên CBQL, GV biết ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học.

- Phấn đấu 100% CB, GV, NV được đánh giá, xếp loại; trong đó:

+ Xếp loại HTXS: 23/43 đ/c đạt 53,5%; HHTNV: 20/43 đ/c đạt 46,5%; HTNV: 0%; KHTNV: 0.

+ Chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: Xếp loại Tốt: 01/3 đ/c đạt 33,3%; Khá: 02/3 đ/c đạt 67,6%.

+ Chuẩn NNGVMN: Tổng số 38 giáo viên (trong đó: 5 giáo viên có trình độ TCGDMN tạm dừng xếp loại): Xếp loại Tốt 4/33 đ/c đạt 12,1%; Khá: 27/33 đ/c đạt 87,9%; Trung bình: 0%; Kém: 0%.

- Xếp loại chuyên môn: Xếp loại Tốt = 36/43 đạt 83,7%; Khá = 7/43 đạt 16,3%; ĐYC = 0%.

- Tỷ lệ GV&CBQL ứng dụng CNTT vào dạy và quản lý đạt 95% trở lên. Giáo viên là 35/38 đ/c đạt 92,1% giáo viên soạn giáo án vi tính.

- 100% CB, GV, NV đăng ký các danh hiệu thi đua trong năm học, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chính trị, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do các cấp quản lý giáo dục tổ chức, hoàn thành các Modul trong chương trình BDTX.

- 100% CB, GV, NV không vi phạm đạo đức nhà giáo.

- Phấn đấu có 02 đoàn viên trở lên được học lớp bồi dưỡng cảm tình đảng.

**5. Xây dựng cơ sở vật chất:**

- 100% các phòng học an toàn cho trẻ, ưu tiên phòng học, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ 5 tuổi.

- 100% các lớp có đủ đồ dùng trang thiết bị tối thiểu để phục vụ công tác nuôi dưỡng, giảng dạy học tập.

- 100% giáo viên làm đồ dùng đồ chơi tự tạo (8-9 loại/năm học).

**6. Công tác tài chính:**

- Xây dựng kế hoạch và dự toán thu, chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021. Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021.

- Phấn đấu thực hiện các khoản thu đạt tỷ lệ 96% trở lên.

**7. Công tác quản lý:**

- 100% CB, GV, NV hưởng ứng cuộc vận động và các phong trào thi đua.

- Kiểm tra toàn diện 100% CB-GV-NV; Kiểm tra nghiệp vụ và hồ sơ sổ sách của 100% giáo viên 01lần/tháng; Dự giờ, thăm lớp 5-7 giáo viên/tháng, sau dự giờ có góp ý, tư vấn (Hình thức kiểm tra: Có báo trước, theo định kỳ, đột xuất khi GV, NV có dấu hiệu sai trái).

- Duy trì chế độ hội họp:

+ Họp hội đồng trường: ít nhất 3 lần/ năm học.

+ Họp hội đồng sư phạm: 01 lần/tháng vào thứ 7 tuần đầu của tháng.

+ Sinh hoạt tổ chuyên môn: 2 lần/tháng vào thứ 7 tuần 1, tuần 4.

+ Sinh hoạt tổ văn phòng: 01 lần/tháng.

+ Họp phụ huynh: 2 ->3 lần/năm.

- > Ngoài ra còn họp bất thường, đột xuất khi cần thiết.

- Đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

**8. Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và xây dựng trường chuẩn mầm non đạt chuẩn quốc gia:**

hoàn thành Tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 02, trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 01.

**9. Công tác thi đua:** *Tập thể:* Trường đạt tập thể LĐTT và LĐXS.

* Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Đảng bộ tặng Giấy khen).
* Công đoàn hoàn xuất sắc nhiệm vụ (Cờ thi đua của Tổng LĐLĐ VN và Giấy khen của LĐLĐ thị xã).
* Chi đoàn vững mạnh xuất sắc (Đoàn TN phường tặng Giấy khen).

*\*. Cá nhân:* CSTĐCS: 11 đ/c *(Quyên, Hiền, Phương, Lan, Thơm, Ngà, Bùi Hoa, Loan, Thủy, Minh, Huệ)*; LĐTT: 43 đ/c.

*\*. Đề nghị khen cao:* Trường: Đề nghị Bằng khen của Bộ GD&ĐT.

- Cá nhân: Đề nghị Bằng khen UBND tỉnh Quảng Ninh: (01 đ/c).

 Đề nghị UBND thị xã tặng Giấy khen: (01 Đ/c).

 Đề nghị Sở GD & ĐT tặng Giấy khen: (01 Đ/c).

Danh hiệu lớp: Tốt 17/20 lớp; Khá 03/20 lớp.

**III. Các nhiệm vụ, giải pháp:**

Tập trung duy trì mạng lưới trường, lớp mầm non.Tiếp tục tuyên truyền thực hiện huy động trẻ ra lớp theo đúng chỉ tiêu, kế hoạch được giao.Duy trì và giữ vững phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi năm tiếp theo; Tham mưu với cấp trên các tiêu chuẩn CSVC phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia và KĐCLGD; Khảo sát chất lượng GV. Tổ chức tốt các đợt thao giảng, thi giáo viên dạy giỏi trường. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cho cán bộ quản lý GD, giáo viên mầm non; Thành lập tổ khảo sát chất lượng cháu. Tạo môi trường học tập mở để khuyến khích trẻ hoạt động. Đẩy mạnh phong trào tự làm và sử dụng thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em. Sưu tầm tranh ảnh, các hoạt động thực tiễn, tìm kiếm các con vật sống quay phim, chụp ảnh để thực hiện dạy trên máy vi tính. Tăng cường hiệu quả khai thác sử dụng thiết bị dạy học; thực hiện tốt cơ chế và chính sách liên quan đến cung cấp và khai thác các thiết bị dạy học; Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút các nguồn tài trợ để phát triển cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên. Tranh thủ nguồn lực từ các công ty, doanh nghiệp để mở rộng mô hình xây dựng cơ sở giáo dục mầm non dân lập; Duy trì và thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua trong nhà trường do các cấp phát động. Thực hiện tự đánh giá KĐCLGD.

- Tăng cường, đổi mới công tác quản lý đội ngũ, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên mũi nhọn. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, giáo dục, làm tốt công tác tuyên truyền về giáo dục mầm non.

**IV. Thông qua tài chính (Đ/c kế toán công khai).**

- Các khoản thu - chi ngân sách:

- Các khoản thu - chi thỏa thuận:

**V. Ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong buổi họp:**

**VI**. **Đ/c hiệu trưởng kết thúc buổi sơ kết:**